

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B15QNH
TÊN HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
MÃ HỌC PHẦN : FIN - 400

ĐỢT HỌC 7
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 08/07/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	152327072	Nguyễn Thị Ly		B15QNH	6		7.5		8				5	6.1	Sau pháp Mất		
2	152337671	Phan Văn Minh		B15QNH	0		0		0				V	0.0	Khăng		
3	152337739	Nguyễn Hữu Thanh		B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
4	152417169	Hoàng Mạnh Hùng		B15QNH	10		8.5		7.5				4.5	6.2	Sau pháp Hai		
5	152527276	Đào Thị Vân Anh		B15QNH	10		9		8				4	6.1	Sau pháp Mất		
6	152527277	Đặng Hoàng Anh		B15QNH	10		8		8				4	6.0	Sau		
7	152527278	Lê Trương Ngọc Anh		B15QNH	10		8		8				4	6.0	Sau		
8	152527279	Phan Thị Ngọc Anh		B15QNH	8		8		8				4	5.8	Nằm pháp Tầm		
9	152527281	Nguyễn Thị Hồng Ân		B15QNH	10		8.5		8.5				4	6.2	Sau pháp Hai		
10	152527282	Huỳnh Lý Bang		B15QNH	6		7.5		7				V	0.0	Khăng		
11	152527283	Lý Tú Bình		B15QNH	6		8		7				3.5	0.0	Khăng		
12	152527284	Nguyễn Hữu Quý Cao		B15QNH	6		7.5		6				0.5	0.0	Khăng		
13	152527285	Lê Thị Cẩm Cẩm		B15QNH	10		9		8				1.5	0.0	Khăng		
14	152527286	Phan Nguyễn Hoàng Châu		B15QNH	10		8.5		7.5				6	7.0	Baý		
15	152527287	Võ Chí Công		B15QNH	6		7		7.5				5.5	6.2	Sau pháp Hai		
16	152527289	Nguyễn Thị Diễm		B15QNH	8		8		8				5	6.4	Sau pháp Bấu		
17	152527290	Nguyễn Thị Diệp		B15QNH	8		8		7.5				3.5	0.0	Khăng		
18	152527291	Đoàn Thị Thùy Dung		B15QNH	10		9		8				7	7.8	Baý pháp Tầm		
19	152527293	Nguyễn Thị Phương Dung		B15QNH	10		8		7.5				0	0.0	Khăng		
20	152527294	Trần Thị Phương Dung		B15QNH	10		8.5		8				4.5	6.3	Sau pháp Ba		
21	152527295	Lê Quốc Duy		B15QNH	10		9		7.5				4.5	6.3	Sau pháp Ba		
22	152527296	Đỗ Thị Thùy Duyên		B15QNH	10		8.5		7.5				5	6.5	Sau pháp Nằm		
23	152527297	Nguyễn Thị Ngọc Duyên		B15QNH	8		8		8				5	6.4	Sau pháp Bấu		
24	152527298	Hồ Hữu Đào		B15QNH	8		7.5		7				0	0.0	Khăng		
25	152527303	Trần Cảnh Trường Giang		B15QNH	8		8		7.5				4.5	6.0	Sau		
26	152527304	Hồ Thị Ngọc Hà		B15QNH	10		9		6.5				5	6.3	Sau pháp Ba		
27	152527307	Hoàng Nữ Thúy Hằng		B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
28	152527309	Nguyễn Thị Hằng		B15QNH	10		9		8				3	0.0	Khăng		
29	152527311	Lê Thị Thu Hiền		B15QNH	6		8		7				4.5	5.6	Nằm pháp Sau		
30	152527312	Trần Thị Thu Hiền		B15QNH	10		9		7.5				5	6.5	Sau pháp Nằm		
31	152527313	Trần Minh Hiệp		B15QNH	6		7.5		6				4.5	5.3	Nằm pháp Ba		
32	152527314	Nguyễn Minh Hiếu		B15QNH	10		8		7				4	5.8	Nằm pháp Tầm		
33	152527315	Phan Thị Thanh Hiếu		B15QNH	10		8		8				5.5	6.8	Sau pháp Tầm		
34	152527316	Nguyễn Thị Thu Hoài		B15QNH	10		8		7				5.5	6.6	Sau pháp Sau		
35	152527317	Phạm Văn Hoàn		B15QNH	10		9		7				0	0.0	Khăng		
36	152527318	Trương Anh Hoàng		B15QNH	10		9		7				4	5.9	Nằm pháp Chên		
37	152527319	Trương Thị Hồng		B15QNH	10		9		7				0	0.0	Khăng		
38	152527321	Trần Văn Hùng		B15QNH	6		8		8				2.5	0.0	Khăng		
39	152527322	Mai Trịnh Phước Huy		B15QNH	8		0		7				1	0.0	Khăng		
40	152527325	Lê Thị Huyền		B15QNH	10		9		8.5				4	6.2	Sau pháp Hai		

Ngày thi: 08/07/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	152527326	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	B15QNH	10		9		8				4	6.1	Sau pháp Mất		
42	152527328	Thái Thị Nhật	Huyền	B15QNH	10		8.5		7.5				2	0.0	Khăng		
43	152527329	Vô Thị Kim	Huyền	B15QNH	10		9		6.5				4.5	6.0	Sau		
44	152527330	Lê Kim	Hương	B15QNH	10		9		7				5.5	6.7	Sau pháp Baý		
45	152527332	Trần Duy	Khánh	B15QNH	10		8.5		8				5.5	6.9	Sau pháp Chên		
46	152527334	Lê Thị	Lài	B15QNH	10		8		8				5	6.6	Sau pháp Sau		
47	152527335	Trần Thị Thanh	Lan	B15QNH	10		8		8				5	6.6	Sau pháp Sau		
48	152527336	Trần Thị Thu	Lành	B15QNH	8		8		5.5				5	5.7	Nằm pháp Baý		
49	152527337	Trần Anh	Lâm	B15QNH	6		7.5		8				4	5.6	Nằm pháp Sau		
50	152527338	Hồ Thị Mỹ	Lệ	B15QNH	8		8		8				4	5.8	Nằm pháp Tầm		
51	152527339	Trần Thị Minh	Lệ	B15QNH	8		8		8.5				6	7.0	Baý		
52	152527342	Lê Văn Hoàng	Linh	B15QNH	8		7.5		7.5				5	6.2	Sau pháp Hai		
53	152527343	Phạm Thị Ngọc	Linh	B15QNH	10		9		7				5	6.4	Sau pháp Bấu		
54	152527345	Phan Thị Thùy	Linh	B15QNH	10		9		7.5				2	0.0	Khăng		
55	152527347	Nguyễn Phi	Long	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
56	152527348	Nguyễn Thiện	Luân	B15QNH	8		8		7				6	6.7	Sau pháp Baý		
57	152527351	Lê Thị	Mến	B15QNH	10		9		7.5				3	0.0	Khăng		
58	152527356	Dương Cao Thị	Mỹ	B15QNH	10		9		8.5				5	6.8	Sau pháp Tầm		
59	152527358	Huỳnh Thị Kiều	Nga	B15QNH	10		9		8				7	7.8	Baý pháp Tầm		
60	152527359	Trần Thị Hằng	Nga	B15QNH	10		8.5		7				6	6.9	Sau pháp Chên		
61	152527360	Vô Thị	Nga	B15QNH	8		8.5		8				4	5.9	Nằm pháp Chên		
62	152527362	Ngô Thị Thu	Ngân	B15QNH	8		8		8.5				2.5	0.0	Khăng		
63	152527363	Phạm Kim	Ngân	B15QNH	8		8		7				6	6.7	Sau pháp Baý		
64	152527364	Trà Thị Diệu	Ngọc	B15QNH	6		7.5		7				4	5.3	Nằm pháp Ba		
65	152527365	Trương Như	Nguyễn	B15QNH	10		9		7				4	5.9	Nằm pháp Chên		
66	152527366	Trần Diệu	Nhã	B15QNH	10		9		7.5				2	0.0	Khăng		
67	152527367	Lê Thị Thanh	Nhàn	B15QNH	10		9		8.5				4.5	6.5	Sau pháp Nằm		
68	152527371	Phan Nữ Trà	Nhi	B15QNH	8		8.5		8				4.5	6.1	Sau pháp Mất		
69	152527375	Đỗ Thị Quỳnh	Như	B15QNH	10		9		7.5				6	7.1	Baý pháp Mất		
70	152527376	Hoàng Thị Hồng	Oanh	B15QNH	8		8		8				2	0.0	Khăng		
71	152527378	Trần Thị Kim	Oanh	B15QNH	10		8.5		7				4	5.8	Nằm pháp Tầm		
72	152527379	Hoàng Tịnh Ngọc	Phương	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
73	152527381	Nguyễn Thị	Phương	B15QNH	10		8.5		8.5				4.5	6.5	Sau pháp Nằm		
74	152527382	Nguyễn Thị	Phương	B15QNH	8		8		7.5				4	5.7	Nằm pháp Baý		
75	152527384	Trương Thanh Hoài	Phương	B15QNH	10		9		7				3.5	0.0	Khăng		
76	152527385	Trần Thị	Phượng	B15QNH	8		8.5		8				4	5.9	Nằm pháp Chên		
77	152527387	Phan Hồng	Quang	B15QNH	8		8.5		7				3.5	0.0	Khăng		
78	152527388	Vô Tấn	Quốc	B15QNH	8		8		7				2.5	0.0	Khăng		
79	152527389	Phạm Thái	Quý	B15QNH	6		7.5		8				3.5	0.0	Khăng		
80	152527390	Đỗ Hoàng Ái	Quyen	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
81	152527392	Phan Bảo	Sơn	B15QNH	10		9		7.5				3	0.0	Khăng		
82	152527393	Phạm Thu	Sương	B15QNH	10		9		8				5	6.7	Sau pháp Baý		
83	152527395	Trần Thị Minh	Tâm	B15QNH	10		9		0				4.5	4.4	Bấu pháp Bấu		

Ngày thi: 08/07/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
84	152527399	Nguyễn Thị Thu	Thảo	B15QNH	10		9		8				4	6.1	Sầu pháy Mất		
85	152527401	Tăng Thị Thanh	Thảo	B15QNH	10		9		8				3.5	0.0	Khăng		
86	152527403	Võ Thị Phương	Thảo	B15QNH	10		9		8				5.5	6.9	Sầu pháy Chên		
87	152527404	Trịnh Xuân	Thắng	B15QNH	10		0		7.5				4	5.1	Nằm pháy Mất		
88	152527405	Lê Khánh	Thiện	B15QNH	10		8.5		8				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
89	152527406	Trịnh Thị	Thoàng	B15QNH	10		8.5		8				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
90	152527408	Đỗ Trọng	Thủy	B15QNH	10		8.5		7				4.5	6.1	Sầu pháy Mất		
91	152527409	Võ Phương	Thúy	B15QNH	8		8		8				5	6.4	Sầu pháy Bấu		
92	152527411	Hoàng Thị Hoài	Thương	B15QNH	10		8		8				4.5	6.3	Sầu pháy Ba		
93	152527412	Phạm Thị Kiều	Tiên	B15QNH	10		8.5		6.5				4	5.7	Nằm pháy Báy		
94	152527413	Bùi Văn	Tín	B15QNH	10		8.5		8				3.5	0.0	Khăng		
95	152527414	Trần Lê Thị Minh	Toàn	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
96	152527417	Nguyễn Mai	Trang	B15QNH	10		9		8.5				4.5	6.5	Sầu pháy Nằm		
97	152527418	Nguyễn Thùy	Trang	B15QNH	10		9		8.5				2.5	0.0	Khăng		
98	152527419	Trần Thị Thu	Trang	B15QNH	10		9		8				4	6.1	Sầu pháy Mất		
99	152527420	Phạm Quỳnh	Trâm	B15QNH	10		9		7				1.5	0.0	Khăng		
100	152527423	Trần Thị Tú	Trinh	B15QNH	10		8.5		8.5				V	0.0	Khăng		
101	152527425	Nguyễn Thị	Trúc	B15QNH	6		8		7.5				0.5	0.0	Khăng		
102	152527427	Bùi Tấn	Trường	B15QNH	8		8		7.5				2	0.0	Khăng		
103	152527428	Nguyễn Văn	Tú	B15QNH	10		9		8				4	6.1	Sầu pháy Mất		
104	152527429	Huỳnh Minh	Tuấn	B15QNH	6		7.5		7.5				0	0.0	Khăng		
105	152527430	Nguyễn Sỹ	Tuấn	B15QNH	10		8		7.5				0.5	0.0	Khăng		
106	152527433	Trần Đức	Tý	B15QNH	8		8		7				0.5	0.0	Khăng		
107	152527434	Huỳnh Tâm	Uyên	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
108	152527435	Chu Thị Hồng	Vân	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
109	152527437	Trần Đình Cát	Vân	B15QNH	10		9		8				4	6.1	Sầu pháy Mất		
110	152527438	Huỳnh Thị Diễm	Vi	B15QNH	10		9		8				4.5	6.4	Sầu pháy Bấu		
111	152527440	Nguyễn Thị Nguyên	Vũ	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
112	152527441	Nguyễn Đăng Nhật	Vy	B15QNH	10		8.5		7.5				4	5.9	Nằm pháy Chên		
113	152527442	Phạm Thị Hồng	Vy	B15QNH	10		8.5		8				2	0.0	Khăng		
114	152527443	Trần Thị Lê	Xuân	B15QNH	8		8		7				4.5	5.8	Nằm pháy Tằm		
1	142527285	Nguyễn Thị	Thư	B14QNH	10		8		7.5				6.5	7.3	Báy pháy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	71	62%	
2	Số sinh viên nợ	44	38%	
TỔNG CỘNG :		115	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày thi:		08/07/2011										LẦN THI		1		
ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25				55	100			
Nguyễn Kim Đức		Phạm Hồng Phương		TS. Hồ Văn Nhân										ThS. Nguyễn Hữu Phú		